

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HS-ST
Ngày 27-5-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Nam Trung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Công Hùng** và ông **Trần Văn Tiến**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Long Tuân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST-HS, ngày 21 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Cao Hồng Q

Sinh ngày: 07 tháng 7 năm 1977 tại huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi thường trú: Thôn A, xã H, huyện G, tỉnh Quảng Trị; Nơi ở hiện tại: Số B V, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Nghề nghiệp: Bảo vệ trường mầm non; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Hồng M và bà Nguyễn Thị D; Vợ là bà Đinh Thị T, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo đã 03 lần bị kết án:

- Năm 2001, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Lăk (nay là tỉnh Đăk Nông) xử phạt 16 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 25/HS-ST ngày 12/7/2001. Ngày 10/6/2002 thì chấp hành xong hình phạt tù.

- Năm 2003, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Lăk (nay là tỉnh Đăk Nông) xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 43/HSST ngày 10/10/2003. Ngày 04/9/2005 chấp hành xong hình phạt tù.

- Năm 2021, bị Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình xử phạt 13 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 38/2021/HS-ST ngày 29/9/2021. Ngày 16/5/2022 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông **Lê Thanh H** (Tên gọi khác: Lê Văn H1), sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Ông **Bạch Xuân L**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. Ông **Phan Thế C**, sinh năm 1957; Địa chỉ: Đường M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
3. Ông **Đinh Minh T1**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ A, M, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
4. Ông **Phan Trung T2**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 14/2/2000, tại nhà ông Phan Trung T2, tại thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai, Cao Hồng Q cùng ông Phan Trung T2, ông Phan Thế C, ông Đinh Minh T1 và ông Bạch Xuân L ăn cơm và uống rượu. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi uống rượu xong, ông C rủ cả nhóm đi uống nước và đánh bi-a, Q, L và Đinh Minh T1 đồng ý đi, còn ông Phan Trung T2 ở lại nhà. Khi nhóm đi được khoảng 100m, Q rủ L quay về và nói với ông C rằng “Bọn em mệt quá nên quay về nhà nghỉ”. Ông C và ông T2 tiếp tục đi đến quán nước, còn Q và L đi về hướng nhà ông T2. Trên đường đi, Q phát hiện một chiếc xe máy hiệu Daelim Citi 100, màu nho, biển số 81F4-3887, dựng gần đường nhựa tại sân nhà chị Nguyễn Thị S, thôn T, xã B. Q nảy sinh ý định trộm cắp và nói với L: “Tao thấy chiếc xe máy dựng ở ngay cạnh đường nhựa, mày trộm giúp tao chiếc xe máy để về Đắk Lắk chạy xe thờ”. L đáp: “Xe không có giấy tờ bị Công an bắt thì sao?”, Q thuyết phục: “Chạy trong làng dân tộc thiểu số Công an không bắt đâu, tao trả công cho”. L đồng ý tham gia, khi đi được khoảng 20-30m, Q chỉ cho L thấy chiếc xe máy. L đứng cạnh giới phía ngoài, còn Q vào trong sân dùng hai tay nắm tay lái dắt xe ra khỏi sân. Lưu phụ đẩy xe từ phía sau theo đường nhựa về hướng xã T, huyện C. Sau khi đẩy xe khoảng 100m, Q và L đưa xe vào một lối rẽ bên tay phải. Q lấy một chiếc mỏ lết từ túi đưa cho L, L dùng mỏ lết tháo biển số xe và giấu biển số sau lưng, còn mỏ lết được bỏ vào túi. Q lấy chiếc chìa khóa từ túi để mở ổ khóa điện của xe. Khoảng 20 phút sau, Q nổ máy, đưa chìa khóa cho L cầm,

rồi điều khiển xe chở L về hướng xã T. Khi đến gần Ủy ban nhân dân xã T, do xe hết xăng thì Q dừng tại một cây xăng để đổ xăng. Lúc này, ông Lê Thanh H (tên gọi khác Lê Văn H1) và C1 đến. Q bỏ chạy và trốn thoát, còn L bị bắt tại chỗ. Ngày 17/5/2000, Công an huyện C ra Quyết định truy nã số 01 đối với Cao Hồng Q. Ngày 24/5/2021, Q bị Công an tỉnh Q bắt theo Quyết định truy nã số 04 ngày 05/01/2013 của Công an huyện T, tỉnh Quảng Bình về một vụ án trộm cắp tài sản khác.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 25/2/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, chiếc xe máy hiệu Daelim Citi 100, màu nho, biển số 81F4-3887, số khung 727256, số máy 1744672, có giá trị tại thời điểm ngày 14/2/2000 là 20.970.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Một chiếc xe máy hiệu Daelim Citi 100, màu nho, không gắn biển số, số khung 727256, số máy 1744672; một biển số xe 81F4-3887; một chùm chìa khóa có hai chìa và một mỏ lết nhỏ hiệu Diamond đã được thu giữ khi bắt Bạch Xuân L. Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 21/2/2000, trao trả xe và biển số cho chủ sở hữu là ông Lê Văn L1. Chùm chìa khóa và mỏ lết đã được xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với Bạch Xuân L đã bị xét xử 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 11 ngày 14/8/2000 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS-CPR ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Cao Hồng Q về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Cao Hồng Q từ 18 đến 20 tháng cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo làm bảo vệ, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập.

Về vật chứng: Đã xử lý xong nên không đề cập giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Không.

Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu giải quyết về phần dân sự nên không xem xét giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản đảm bảo thi hành án nên không áp dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu, thừa nhận vai trò là người khởi xướng, thực hiện hành phạm tội

như Bản án xét xử Bạch Xuân L vào năm 2000. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại ông Lê Thanh H vắng mặt tại phiên tòa, lời khai tại hồ sơ thể hiện về phần dân sự không có yêu cầu bồi thường, về hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo và tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 14/2/2000 tại thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai, Cao Hồng Q đã cùng Bạch Xuân L trộm cắp một chiếc xe máy hiệu Daelim Citi 100, biển số 81F4-3887 trị giá 20.970.000 đồng của ông Lê Thanh H (Tên gọi khác: Lê Văn H1) đang trực tiếp quản lý, sử dụng (chủ sở hữu là ông Lê Văn L1). Hành vi đó của Cao Hồng Q đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản của công dân” quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật hình sự năm 1985. Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13... Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Cao Hồng Q về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Tại thời điểm phạm tội năm 2000 thì tội phạm mà bị cáo Cao Hồng Q và Bạch Xuân L thực hiện là tội phạm nghiêm trọng, có mức hình phạt từ 02 năm đến 10 năm tù theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật hình sự năm 1985. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó Cao Hồng Q là người khởi xướng và cùng Bạch Xuân L cùng thực hiện hành vi trộm cắp. Đối với Bạch Xuân L đã bị Tòa án nhân dân huyện Chư Prông xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 11 ngày 14/8/2000 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai . Bị cáo Cao Hồng Q sau khi gây án đã bỏ trốn và bị truy nã.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, tại thời điểm phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về nhân thân: Tại thời điểm phạm tội năm 2000, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và tiếp tục ba lần phạm tội “Trộm cắp tài sản” và kết án vào các năm 2001, 2003 và 2021. Điều đó thể hiện thái độ xem thường pháp luật, không có ý thức tự cải tạo bản thân của bị cáo.

[6] Về hình phạt: Bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự nên phải chịu hình phạt theo quy định. Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo... tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng xét bị cáo nhân thân xấu, sau khi phạm tội đã bỏ trốn bị truy nã và liên tiếp phạm tội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, vì vậy cần áp dụng hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian mới đảm bảo sự nghiêm minh, công bằng của pháp luật, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng trong vụ án đã được xử lý nên không xem xét thêm.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Cao Hồng Q phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt bị cáo Cao Hồng Q **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Cao Hồng Q phải nộp **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (27/5/2025), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được Bản

án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Viện KSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- THADS huyện Chư Prông;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Nam Trung